

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày 24 - 7 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thúc Giang

Bà Doãn Thị Vệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST - DS ngày 08 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72, phố T, phường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; cư trú tại: Nhà số 60, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh V là đại diện theo ủy quyền lại (Theo các văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016 và văn bản ủy quyền số 316/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25 tháng 11 năm 2016), (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Đào Văn S, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ dân phố X, phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2016 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 07 tháng 10 năm 2014, anh Đào Văn S có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Thành phố H để vay số tiền 21.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã đồng ý và cho anh S vay tổng số tiền 21.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng tiền vay để tiêu dùng và 1.000.000 đồng tiền đóng phí bảo hiểm, hình thức vay là vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và anh Đào Văn S thì lãi suất của khoản vay trên là 60%/năm, tức 5%/tháng; trả nợ theo phương thức trả chậm trong vòng 36 tháng (36 kỳ trả nợ). Tổng số tiền anh Đào Văn S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trong vòng 36 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 45.637.000 đồng, cụ thể trong 35 tháng đầu mỗi tháng anh Đào Văn S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 1.270.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.187.000 đồng, kỳ thanh toán là vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20 tháng 11 năm 2014. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh Đào Văn S đã nhận đủ số tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ, anh Đào Văn S đã trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được 10 kỳ với tổng số tiền đã trả là 15.135.000 đồng, gồm 4.767.132 đồng tiền gốc và 10.367.868 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến nay, anh Đào Văn S không trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thêm bất kỳ khoản nào khác. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án buộc anh Đào Văn S phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ tính đến ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện (ngày 25 tháng 11 năm 2016) là 27.115.058 đồng, trong đó nợ gốc là 16.232.868 đồng, nợ lãi là 10.882.190 đồng. Đối với tiền lãi tính từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện (ngày 25 tháng 11 năm 2016) cho đến ngày Tòa án xét xử (ngày 24 tháng 7 năm 2017), Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tự nguyện không yêu cầu anh S phải trả, đồng thời về nghĩa vụ chậm thanh toán của anh S, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cũng tự nguyện đề nghị Tòa án tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà không tính theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn anh Đào Văn S tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2017 trình bày: Anh thừa nhận ngày 07 tháng 10 năm 2014 anh đã làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức thanh toán và số tiền anh đã thanh toán và số tiền anh còn nợ đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện, anh hoàn toàn nhất trí trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, tuy nhiên anh đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cho anh được trả dần khoản nợ gốc 16.232.868 đồng thành 08 lần, mỗi lần trả

2.000.000 đồng; đối với số tiền lãi 10.882.190 đồng, đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V miễn cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, Kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 20 tháng 10 năm 2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh thành phố H với anh Đào Văn S có địa chỉ tại phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 20141017-149006-0003 về việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cho anh S vay số tiền 21.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Do anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng ngày 20 tháng 10 năm 2014 và được quy định tại khoản 3.2 Điều 3 trong Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 07 tháng 10 năm 2014 nguyên đơn làm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 20141017-149006-0003 và ngày 20 tháng 10 năm 2014 được bị đơn đồng ý và phê duyệt khoản vay; số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 21.000.000 đồng, gồm 20.000.000 đồng vay mục đích tiêu dùng và 1.000.000 đồng là phí bị đơn đóng bảo hiểm, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay ngày 20 tháng 10 năm 2014, lãi suất vay là 60%/năm, tức 5%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng, phương thức thanh toán là hàng tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.270.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.187.000 đồng. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 10 kỳ với tổng số tiền trả là 15.135.000 đồng,

gồm 4.767.132 đồng tiền gốc và 10.367.868 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tính đến ngày 25 tháng 11 năm 2016 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 27.115.058 đồng, trong đó nợ gốc là 16.232.868 đồng, nợ lãi là 10.882.190 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay và xin trả dần thành 08 lần, mỗi lần trả 2.000.000 đồng và đề nghị miễn lãi cho bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn mà chỉ đồng ý không tính lãi kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày Tòa án xét xử và tự nguyện điều chỉnh lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán của bị đơn theo lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là 27.115.058 đồng, trong đó nợ gốc là 16.232.868 đồng, nợ lãi là 10.882.190 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.115.058 đồng x 5% = 1.355.752 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; các điều 463, 466, 468, 470 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc anh Đào Văn S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 27.115.058 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm mười lăm nghìn không trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 16.232.868 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi là 10.882.190 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đào Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.355.752 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm năm

mười hai đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 677.876 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003198 ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phúc Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đào Văn S chưa thanh toán được số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Đào Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà